

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HS-ST

Ngày 01- 3 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thời (Giáo viên)

Ông Dương Văn Chăm (Giáo viên)

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê An Hiệp– Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 01/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 554/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh năm 1962, tại tỉnh Bến Tre. Đăng ký thường trú: Số C, ấp Q, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N1 (chết) và bà Nguyễn Thị B (chết); có vợ đã ly hôn bà Phạm Thị M; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt giữ từ ngày 16/8/2023 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Quang H – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh B. (có mặt)

- Bị hại: Võ Thị Ngọc H1, sinh ngày 15/12/2010; (cháu H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 01/3/2024).

Người đại diện theo pháp luật của bị hại: Bà Võ Thị S. Sinh năm: 1964. Nơi cư trú: Ấp Q, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại: Bà Đoàn Thị Ngọc D – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T; (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thu N2. Sinh năm: 1989. Nơi cư trú: Số A, đường D, khu A, phường H, T, tỉnh Bình Dương; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N và cháu Võ Thị Ngọc H1 (sinh ngày 15/12/2010) ở gần nhà với nhau, H1 thường xuyên đến nhà N chơi. Lợi dụng việc H1 không có khả năng nhận thức nên N đã nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với H1 tại nhà của N ở số C, ấp Q, xã T, huyện G. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng đầu tháng 7 năm 2023, H1 đến nhà N chơi. Tại đây, N nảy sinh ý định giao cấu với H1 nên kêu H1 đi vào bên trong phòng ngủ của N. Khi vào trong phòng N kêu H1 cởi quần áo của H1 ra, N cũng tự cởi quần áo của mình ra rồi cả hai nằm trên giường. Nu nằm đè lên người Huyền, dùng dương vật cọ sát với âm hộ của H1 cho dương vật cương cứng để thực hiện việc giao cấu nhưng do dương vật không cương cứng nên N không thực hiện được việc giao cấu với H1.

Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất khoảng 03 ngày, H1 đến nhà N chơi. N kêu H1 vào phòng ngủ và cởi quần áo ra, N tự cởi quần áo của mình ra. N cầm tay của H1 đặt vào dương vật của N để cho dương vật cương cứng. Sau khi dương vật cương cứng, cả hai nằm trên giường, N nằm đè lên người của H1 rồi thực hiện hành vi giao cấu với H1 được khoảng 03 phút thì xuất tinh trên bụng của H1.

Lần thứ ba: Cách lần thứ hai khoảng 04 ngày, H1 đến nhà N chơi. N kêu H1 vào phòng ngủ và cởi quần áo ra, N tự cởi quần áo ra rồi trải chiếu dưới nền gạch. Sau đó, cả hai nằm trên chiếu Nu nằm đè lên người của H1 để thực hiện hành vi giao cấu với H1 nhưng do dương vật không cương cứng nên N không thực hiện được việc giao cấu với H1.

Lần thứ tư: Cách lần thứ ba khoảng 03 ngày, H1 đến nhà N chơi. N kêu H1 vào phòng ngủ và cởi quần áo ra, N tự cởi quần áo ra rồi trải chiếu dưới nền gạch. Sau đó, cả hai nằm trên chiếu Nu nằm đè lên người của H1 được khoảng 05 phút thì N xuất tinh trên bụng của H1.

Lần thứ năm: Cách lần thứ tư khoảng 01 ngày, H1 đến nhà N chơi. N kêu H1 vào phòng ngủ và cởi quần áo ra, N tự cởi quần áo ra rồi trải chiếu dưới nền gạch. Sau đó, cả hai nằm trên chiếu Nu nằm đè lên người H1 để thực hiện hành vi giao cấu với H1, được vài phút thì xuất tinh trên bụng của H1.

Vật chứng thu giữ:

- 01 áo sơ mi ngắn tay màu xanh;
- 01 quần ngắn lưng thun bông màu xám, trắng;
- 01 quần ngắn lưng thun sọc màu trắng, đen;

(Do bị cáo Nguyễn Văn N giao nộp).

Theo Kết luận giám định xâm hại tình dục ở trẻ em số 332-23/KLTDTE - TTPYBT ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Tỉnh, tiếp xúc tốt.
- Toàn thân không dấu trầy xước, không dấu bầm máu.
- Vùng bụng, hai bên đùi không bầm máu. Âm hộ vị trí 5 giờ, sát mép màng trinh viêm đỏ.
- Khẩu kính lỗ màng trinh 1,5 cm.
- Vị trí 09 giờ, 11 giờ có dấu rách cũ chưa đến chân màng trinh.
- Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng: Hiện tại chưa phát hiện bất thường.

2. Kết luận:

- Màng trinh: Vị trí 09 giờ, 11 giờ có dấu rách cũ chưa đến chân màng trinh.
- Khẩu kính lỗ màng trinh 1,5 cm.
- Hiện tại Võ Thị Ngọc H1 không mang thai.
- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể: Căn cứ thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y và giám định pháp y tâm thần. Hiện tại trên cơ thể của Võ Thị Ngọc H1 không có thương tích để xếp tỷ lệ tổn thương cơ thể.

Theo Kết luận giám định số 5983/KL-KTHS ngày 26/10/2023 của Phân Viện khoa học kỹ thuật hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Không phát hiện ADN của bị cáo Nguyễn Văn N trong mẫu dịch âm đạo ghi thu của Võ Thị Ngọc H1.

Theo Kết luận giám định pháp y tâm thần số 906/KL-VPYTW ngày 29/11/2023 của Viện pháp y tâm thần Trung ương B1 đối với bị hại Võ Thị Ngọc H1 kết luận:

- Về y học: Trước, trong, sau khi bị xâm hại và hiện nay: Đang sự bị bệnh chậm phát triển tâm thần nặng/Động kinh (F72/G40-ICD.10).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm bị xâm hại và hiện nay: Đang sự mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Theo Kết luận giám định pháp y tâm thần số 849/KL-VPYTW ngày 21/11/2023 của Viện pháp y tâm thần Trung ương B1 đối với bị cáo Nguyễn Văn N kết luận:

- Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đang sự bị rối loạn nhân cách và hành vi do sử dụng rượu (F10.71-ICD.10).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án và hiện nay: Đang sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, kết quả thực nghiệm điều tra và các chứng cứ khác đã thu thập được.

Đại diện bị hại Võ Thị Ngọc H1 (bà Võ Thị S) yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 30.000.000 đồng, bị cáo đồng ý và đã tác động gia đình bồi thường xong. Hiện đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số: 06/CT-VKSBT-P1 ngày 03/01/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 142 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N khai nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung bản cáo trạng và các chứng cứ đã thu thập.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn N. Sau khi phân tích các tình tiết về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết về nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 142; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N mức án tù 08 năm đến 10 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo là ngày 16/8/2023.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48, Điều 592 Bộ luật dân sự ghi nhận bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại Võ Thị Ngọc H1 số tiền 30.000.000 đồng, hiện người đại diện của bị hại không có yêu cầu gì thêm.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy các vật chứng:

01 áo sơ mi ngắn tay màu xanh;

01 quần ngắn lưng thun bông màu xám, trắng;

01 quần ngắn lưng thun sọc màu trắng, đen;

(Vật chứng hiện nay do Cục Thi hành án tỉnh Bến Tre quản lý)

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N trình bày quan điểm: Thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre về tội danh. Về mức hình phạt: Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s, x, q khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cụ thể: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại thời điểm gây án bị cáo bị hạn chế khả năng

nhận thức; sau khi gây án, bị cáo đã đến công an xã T để tự thú về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có cha và anh là liệt sỹ; có mẹ là mẹ Việt Nam anh hùng; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường xong cho bị hại; tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận gia đình bị cáo đã thay bị cáo bồi thường số tiền 30.000.000 đồng cho bị hại và không có yêu cầu gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày quan điểm:
Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển bình thường và sức khỏe của bị hại, đặc biệt bị hại là trẻ em. Sức khỏe và tinh thần của bị hại bị sa sút nhiều sau khi xảy ra sự việc. Thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo theo mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại; phía bị hại không có yêu cầu gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị cáo Nguyễn Văn N nói lời sau cùng: Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; thành phần Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo; người đại diện theo pháp luật của bị hại; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Do không kiểm soát được ham muốn dục vọng của bản thân và lợi dụng việc cháu Võ Thị Ngọc H1 không có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nên trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 8 năm 2023 tại nhà số C, ấp Q, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Văn N đã 05 lần thực hiện hành vi xâm hại tình dục đối với cháu Võ Thị Ngọc H1 (sinh ngày 15/12/2010), khi cháu H1 chưa đủ 13 tuổi.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận có thực hiện hành vi phạm tội với cháu H1. Mặc dù bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, nhưng lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác và chứng cứ thu thập được qua quá trình điều tra cũng như việc xét hỏi tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở để kết

luyện Bản cáo trạng số: 06/CT-VKSBT-P1 ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Nguyễn Văn N3 tội “*Hiếp dâm người dưới 16 tuổi*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 142 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung “*Phạm tội hai lần trở lên*” là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

[3.1] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tình dục, danh dự, nhân phẩm của phụ nữ nói chung và nhất là trẻ em gái là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án. Tuy nhiên, để thỏa mãn dục vọng của bản thân, bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm bất chấp hậu quả, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh và trật tự xã hội ở địa phương, vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực đạo đức xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi mà bị cáo thực hiện đối với bị hại cũng như hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo gây ra.

[3.2] Về nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng bản thân bị cáo trước đó đã bị Ủy ban nhân dân tỉnh B ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng năm 2004 do có hành vi gây rối trật tự công cộng.

[3.3] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.4] Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi gây án, bị cáo đã đến công an xã T để tự thú về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại tinh thần cho bị hại; bị cáo có cha ruột là liệt sỹ; mẹ ruột là Mẹ Việt Nam anh hùng; tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại có đề nghị xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Xét thấy, bị cáo hiện nay đã lớn tuổi, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có đủ điều kiện được áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ sức giáo dục răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại Võ Thị Ngọc H1 (bà Võ Thị S) yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 30.000.000 đồng, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường xong nên ghi nhận. Đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu gì thêm nên ghi nhận.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu N2 cho rằng chị là con của bị cáo Nguyễn Văn N, số tiền 30.000.000 đồng mà bị

cáo bồi thường cho bị hại là tiền của chị bồi thường thay cho bị cáo, chị N2 không yêu cầu bị cáo trả lại cho chị số tiền này nên ghi nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 áo sơ mi ngắn tay màu xanh;
- 01 quần ngắn lưng thun bông màu xám, trắng;
- 01 quần ngắn lưng thun sọc màu trắng, đen;

Xét thấy, các vật chứng nêu trên không còn giá trị sử dụng, tại phiên tòa bị cáo không có yêu cầu nhận lại. Do đó, căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy các vật chứng nêu trên (hiện nay do Cục thi hành án tỉnh Bến Tre quản lý).

[6] Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là không phù hợp vì tại phiên tòa bị cáo khai nhận khi bị cáo không dùng rượu thì sức khỏe của bị cáo bình thường, không bị ảnh hưởng gì. Do đó, việc bị cáo bị rối loạn nhân cách và hành vi do sử dụng rượu tại kết luận giám định không được xem là bệnh lý theo tranh luận của Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Đề nghị của người bào chữa về những nội dung khác là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn N là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 142; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/8/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 586, 592 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn N (do bà Nguyễn Thị Thu N2 nộp thay) đã bồi thường cho bị hại Võ Thị Ngọc H1 số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu gì thêm.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) áo sơ mi ngắn tay màu xanh;
- 01 (một) quần ngắn lưng thun bông màu xám, trắng;
- 01 (một) quần ngắn lưng thun sọc màu trắng, đen;

Vật chứng nêu trên hiện nay do Cục Thi hành án tỉnh Bến Tre quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17/01/2024.

4. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn N được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1b);
- Vụ GDKT I TANDTC (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre, bị cáo (2b);
- UBND xã Tân Lợi Thạnh, h.Giồng Trôm (1b);
- ĐDHPBH (1b);
- Tòa Gia đình & NCTN, Phòng KTNV&THA, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre, hồ sơ vụ án (7b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt

